

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 25 - 02 - 2021  
V/v: “ Tranh chấp ly hôn  
và nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương  
*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2021/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* chị Lê Thị H, sinh năm: 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện G, tỉnh K.

*Bị đơn:* anh Trần Văn H, sinh năm: 1972 ( có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Chín Ghì, xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: chị và anh H tự tìm hiểu quen biết và được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1996 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống thời gian đầu cũng hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H thay đổi tính ý trở nên khó khăn, hà khắc với vợ con, thường xuyên chửi bới đánh đập chị. Nay xét thấy giữa chị và anh H không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc lâu dài nên chị yêu cầu ly hôn anh H. Quá trình chung sống chị và anh H có hai con chung tên Trần Thị Xuân Đ, sinh năm: 1997 và Trần Tùng D, sinh ngày: 20/11/2006. Hiện nay, cháu Đ đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu D, chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/01/2021, bị đơn anh anh Trần Văn H thống nhất với trình bày của chị H về hôn nhân, con chung nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn là không đúng. Tuy nhiên, anh đồng ý ly hôn với chị H; về con anh đồng ý giao cháu Tùng D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng trên cơ sở ý kiến của con nếu đồng ý ở với chị H. Về tài sản và nợ chung thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: chị H khởi kiện xin ly hôn yêu cầu được quyền nuôi con nên đây được xem là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh H có địa chỉ cư trú tại xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Chị H và anh H với tư cách là nguyên đơn và bị đơn trong vụ kiện nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt chị H và anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: chị H và anh H tự tìm hiểu quen biết trước và được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1997 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị không được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp nên chị H có đơn yêu cầu ly hôn với anh H, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị H và anh H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: chị H và anh H cùng xác định anh, chị có hai con chung tên Trần Thị Xuân Đ, sinh năm: 1997 và Trần Tùng D, sinh ngày: 20/11/2006, hiện cháu Đ đã trưởng thành nên không xem xét. Đối với cháu Tùng D, chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Xét theo nguyện vọng của cháu D thì cháu có ý kiến được sống cùng với chị H. Tại bản khai anh H cũng đồng ý giao con chị H nếu cháu Dương có ý kiến muốn sống với mẹ. Căn cứ vào điều kiện kinh tế hiện nay của chị H đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy dỗ con tốt nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Trần Tùng Dương, sinh ngày: 20/11/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai được quyền cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: chị H, anh H cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; án phí ly hôn sơ thẩm chị H phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005828 ngày 07/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện

Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn nên không phải nộp thêm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Căn cứ vào Điều 14, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Tuyên bố không công nhận chị Lê Thị H và anh Trần Văn H là vợ chồng.

**2. Về con chung:** Giao cháu Trần Tùng Dương, sinh ngày: 20/11/2006 (là con chung của anh H và chị H) cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng (trên cơ sở xem xét theo nguyện vọng của cháu Dương). Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai được quyền cản trở.

**3. Về cấp dưỡng nuôi con:** chị Lê Thị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

**4. Về tài sản và nợ chung:** Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

**5. Về án phí:** chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005828 ngày 07/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm nên không phải nộp thêm

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được cấp tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Cẩm Hương**